

DU-GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN LƯỢC TOÀN

QUYỂN 5 (Bản Luận 11, 12)

BẢN LUẬN 11

A. Giải thích ý nghĩa:

Trong mười bảy Địa, chín Địa trước thuyết minh cảnh ba Thừa, phân ra làm bốn phần:

1. Hai Địa đầu là Thể của Cảnh, vì tất cả đều lấy Thức làm tánh.
2. Ba Địa kế đó là Tướng của Cảnh, thô tế khác nhau.
3. Hai Địa kế đó là Dụng của Cảnh, vì Định và Tán hai thời khởi tác dụng.
4. Hai Địa sau cùng là Vị của Cảnh, vì Hữu tâm và Vô tâm hai vị riêng khác. Do Thể nương vào tướng mà có tác dụng của nó, vì địa vị thứ tự khác nhau mà lập Cảnh của chín Địa.

Thể của Cảnh có hai Địa, là Địa dễ biết và Địa khó biết lấy làm trước sau.

Tướng của Cảnh có ba Địa, là thô phẩm và tế phẩm lấy làm trước sau.

Dụng của Cảnh có hai Địa, là thắng phẩm và liệt phẩm lấy làm trước sau.

Vị của Cảnh có hai Địa, là hiển thời và ẩn thời. Đây là hai Địa sau cùng thuyết minh Dụng của Cảnh, tức là lấy thắng liệt mà làm trước sau. Đó là ý nghĩa của các Địa này.

B. Giải thích tên gọi:

Tiếng Phạm là Tam-ma-tư-đa, Hán dịch là Đẳng dẫn, Cự dịch Tam-ma-đề là nhằm lẫn. Địa này có bảy tên:

1. Tam-ma-tư-đa, giải thích các câu luận giải, là Thắng định địa, là Bình đẳng năng dẫn là Hôn trầm, Trạo cử v.v... hoặc Dẫn bình đẳng, hoặc là do Bình đẳng dẫn phát, gọi là Đẳng dẫn địa. Quyển hạ này ghi: “Không phải đối với Tâm nhất cảnh tánh của cõi Dục, do chỗ dẫn của

định Đẳng vô hồi hoan hỷ an lạc này”, tức là lấy ba nghĩa để giải thích Đẳng dẫn là Đẳng năng dẫn, Dẫn bình đẳng và Phương tiện sở dẫn phát bình đẳng, cho nên Năng dẫn Sở dẫn đều bình đẳng. Tam-ma dịch là Đẳng, Tư-đa dịch là Dẫn.

2. Tam-ma-địa, Hán dịch là Đẳng trì. Tam-ma là Đẳng, Địa là Trì. Cự dịch Tam-muội là nhằm lẫn.

3. Tam-ma-bát-đế, Hán dịch là Đẳng chí. Tam-ma là Đẳng, Bát-đế là Chí. Cự dịch Tam-ma-bạt-đề là nhằm lẫn.

4. Đà-diễn-na, Hán dịch là Tĩnh lự. Cự dịch nghĩa là Thiền cũng không chuẩn.

5. Chất-đa-ế-ca-a-yết-la-đa, Hán dịch là Tâm nhất cảnh tánh. Chất-đa là Tâm, Ế-ca là Nhất, A-yết-la là Cảnh, Đa là Tánh. Cự dịch Nhất tâm là nhằm.

6. Xa-ma-tha, Hán dịch là Chỉ.

7. Hiện pháp lạc trụ.

Trong quyển 63 giải thích nghĩa của Đẳng trì, Tâm nhất cảnh tánh, Xa-ma-tha và Hiện pháp lạc trụ, trong các tên này, Đẳng dẫn Địa của nó có ba giải thích: Như thật nghĩa, thông với Hữu tâm và Vô tâm, chỉ có tất cả công đức tại Định vị. Ba nghĩa Đẳng dẫn, lý của nó thông nhau, tất cả Tán vị đều không phải trong Địa này. Danh mục của Tam-ma-địa là một Đẳng trì Tâm sở trong Biệt cảnh, thông nhiếp tất cả. Tâm nhất cảnh tánh trong Hữu tâm vị, thông với Định vị và Tán vị, như bốn câu phân biệt trước giải thích luận, nhưng các kinh luận, chỉ nói ngay chỗ thù thắng là Không, Vô nguyện v.v... gọi là Tam-ma-địa. Tam-ma-bát-đế, là tên chung của tất cả Hữu tâm và Vô tâm, là chỗ có Định thể trong các Định vị, trong các kinh luận chỉ nói ngay chỗ thù thắng là năm Hiện kiến v.v... tương ứng các Định, gọi là Đẳng chí. Tĩnh lự thông với Hữu tâm và Vô tâm, Hữu lậu và Vô lậu, Nhiễm và Bất nhiễm, nương vào bốn Địa của cõi Sắc, không phải các Địa xứ khác, nhưng các kinh luận ngay chỗ thù thắng phần nhiều nói là Sắc địa có tâm công đức thanh tịnh, gọi là Tĩnh lự. Tâm nhất cảnh tánh, Thể tức là Đẳng trì, thông với nhiễm và tịnh, lấy Tâm nhất cảnh tánh để giải thích Đẳng trì, cho nên Xa-ma-tha chỉ có Hữu tâm vị, không phải Vô tâm, chỉ có Tịnh vị không phải Bất tịnh, chỉ có Định vị không phải Tán tâm. Hiện pháp lạc trụ, chỉ có bốn Tĩnh lự căn bản không phải Cận phần, tâm tịnh Vô lậu không phải Tán tâm và cõi Vô sắc, do Đẳng dẫn này thông nhiếp công đức Định vị của tất cả Hữu tâm và Vô tâm. Vì tổng thông rộng cho nên riêng lập tên Địa.

C. Nêu thể tánh:

Có ba sự giải thích, so sánh bốn câu đều rộng như Địa kia. Trong Địa này, trước hết kết những chỗ nói trước để phát sinh đầu mối của luận, sau y theo đó mà hỏi đáp. Trong đáp có ba đoạn: một là Tụng, hai là Giải thích, ba là Giải thích rộng nghĩa chúng tạp tối hậu, tức là nhập vào Tông yếu thứ năm của các kinh.

Trong Tông yếu đó, giải thích chỗ liệt bày dưới đây các kinh pháp tướng của tám giải thoát v.v.... Nghĩa chúng tạp của nó cũng giải thích nhiều nghĩa Tán tạp, vì đồng thời giải thích kinh, cho nên thành một môn. Trong An lập đẳng môn, chỉ giải thích Tĩnh lực, không giải thích Đẳng trì, Đẳng chí, dưới đây trong Tông yếu mới giải thích nó. Trong phần giải thích rộng có bốn đoạn: một là Tổng nêu, hai là An lập, ba là Tác ý và Sở duyên, bốn là Giải thích kinh.

Đoạn ba và bốn hợp chung thuyết minh cho nên làm thành bốn đoạn, trong tổng nêu có hai đoạn là nêu bốn môn và tùy giải thích riêng.

Tên gọi khác của bốn Tĩnh lực, quyển sao thứ 5 trong phần trước đã giải thích, Phế lập và Tăng giảm như quyển 63 nói. Trong Đẳng trì có mười một môn, không giải thích môn thứ mười một, vì dễ hiểu. Lại nữa, Thanh văn địa mới giải thích bốn Tu định:

1. Vì được Hiện pháp lạc trụ.
 2. Vì được Trí kiến.
 3. Vì được Tuệ phân biệt.
 4. Vì được Lưu tận.
- Năm Thánh trí:
1. Tự thể trí.
 2. Bồ-đặc-già-la trí.
 3. Thanh tịnh trí.
 4. Quả trí.
 5. Nhập xuất định tướng trí.

Năm chi Thánh, là Hiện pháp lạc trụ làm bốn chi, nương vào quán sát kỹ duyên khởi pháp và vì đoạn trừ kết phược làm chi thứ năm. “Hữu nhân, Hữu cụ, Thánh chánh”, là năm thứ Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng, gọi là Hữu nhân; ba thứ Chánh kiến, Chánh tinh tấn và Chánh niệm gọi là Hữu cụ; bảy chi này cùng với Thánh chánh Tam-ma-địa làm nhân. Trong Đẳng chí có sáu môn, là tám Thắng xứ, mười Thiên xứ, Nhân, Giải, Giải thoát, đã giải thích sơ lược xong, không giải thích lại.

Trong Quyết Trạch v.v... giải thích bốn Vô sắc, vì không khác với giải thoát cho nên cũng không giải thích.

- Trong An lập môn thứ nhất, lấy năm môn phân riêng:

1. An lập Đẳng dẫn địa.
2. An lập Ly sinh hỷ lạc v.v...
3. An lập Cái chướng.
4. An lập Chi phần.
5. An lập Biệt danh.

Trong An lập Địa, “do chỗ dẫn của Định đẳng vô hối hoan hỷ an lạc này”, là do tâm trì giới thì liền không có hối, vì không có hối cho nên hoan hỷ, vì hoan hỷ cho nên an lạc, vì an lạc cho nên chứng đắc Định, do đó Đẳng dẫn này không phải đối với cõi Dục, cũng không phải cõi Dục, đối với pháp hoàn toàn không có chánh quán sát kỹ.

- Trong An lập thứ hai có ba đoạn:

1. Dẫn kinh để nêu.
2. Tùy giải thích riêng.

3. Từ câu “Thế Tôn đối với phương tiện Vô lậu” trở xuống, giải thích Tam-ma-địa, cùng với vấn nạn trước và sau giải thoát. Dẫn Hỷ của Dục v.v... hiển thị chỗ lìa, chỗ chứng Chuyển y vô vi gọi là lìa.

Lại nữa, đối với người tu tập viên mãn năm pháp, hiển thị pháp Sở sinh do Chuyển y. Hoan hỷ đều lấy Hỷ thọ làm tánh, chỗ dẫn của Vô hối chính là vui thích thâm sâu. Lập hai sai biệt, An lạc đồng thời với Lạc thọ làm tánh, lìa chỗ dẫn điều hoà thông suốt của các thô trọng, chỗ dẫn hai thứ Lạc quả của điều hoà thông suốt. Lập hai sai biệt, tức là quyển 5 trước ghi: “Ly sinh hỷ lạc”. Nhưng hai Thọ này đều vui thích, đều do Ý sinh, gọi chung là Hỷ, cho nên luận này chỉ nói Ly sinh hỷ. Nếu không như thế thì các văn liền thành trái nhau. Trong chỗ dẫn của Dục, không nói Xả, là chỗ dẫn xả của Dục mà không phải ưa thích, chán ghét Dục mà không phải chỗ đoạn. Bất thiện dẫn xả Bất thiện tánh, chính là chỗ đoạn, cho nên nói là bất đồng. “Hoan, là từ bản lai thanh tịnh, hành giả quán chỗ tu Tịnh hạnh v.v... của Tư lương địa”, trong đây có ý nói, Gia hạnh đạo vị mới tu Đẳng dẫn, do đó trụ Tư lương mới tu tịnh hạnh, trì giới thanh tịnh sinh Vô hối, hoặc khi tu Định thì các phương tiện xa trước, phải trước hết giới tịnh, gọi là Tư lương Địa, không cần nhập Vị mới tu Đẳng dẫn.

Trong giải thích vấn nạn trước và sau, có kinh nói không đồng:

1. Trước nói Tam-ma-địa, sau nói giải thoát.
2. Trước nói giải thoát, sau nói Tam-ma-địa.

3. Nói cả hai đồng thời.

Từ trên đến đây, chỗ dẫn lia năm ác pháp, trước nói giải thoát tu tập năm pháp, sau nói Tam-ma-địa. Kinh thứ hai trái với luận này, cho nên bây giờ giải thích. Trong luận này, Căn bản định gọi là Tam-ma-địa, Đoạn phiền não và Phục phiền não gọi là Giải thoát, do trong Vô lậu phần nhiều nương vào Căn bản địa mà đoạn các phiền não. Trước nói Tam-ma-địa, sau nói giải thoát, là không phải không nương vào Cận phần để trước đoạn phiền não sau đó chứng đắc Căn bản địa. Trong Hữu lậu, phần nhiều nương vào Cận phần, lấy sáu Tác ý trước hết hàng phục phiền não, lấy quả của Gia hạnh cứu cánh tác ý thứ bảy mà nhập Căn bản địa, cũng có Tác ý thứ tám tại Cận phần địa làm giải thoát đạo, sau đó mới chứng đắc Căn bản. Trong luận này nói, do chứng quả Gia hạnh cứu cánh tác ý nên phiền não đã đoạn rồi, mới chứng đắc Căn bản Tam-ma-địa. Nếu không như thế thì liền trái với các thuyết của Đối Pháp luận. Tác ý thứ bảy tại Căn bản địa, trong câu “đồng thời”, Tác ý và Định đều là Vô lậu giải thoát, đều là đoạn Phiền não chủng, là Gia hạnh cứu cánh tác ý tại Vị chí định, chỗ dẫn quả tác ý nhập Căn bản định là ở trong Tam-ma-địa. Định này đồng thời là giải thoát đạo, vì chứng Vô vi giải thoát. Nói “Tam-ma-địa cùng với Vô vi đồng thời, là không phải Định của Gia hạnh cứu cánh tác ý đồng thời, gọi là Tam-ma-địa và các Vô gián đạo khác trong Tam-ma-địa”, đây là nói Tiền phương tiện tại Vị chí địa, nương vào Căn bản địa mà khởi Vô lậu Vô gián đạo, chỗ dẫn giải thoát đạo của hai Địa này đồng thời trong Tam-ma-địa, Hoặc năng đoạn này gọi là Câu giải thoát. Không phải “hai Hữu lậu Tác ý trước có thể chế phục Hoặc”, tức là nói các Vô gián đạo khác, Đạo này không đồng thời với chỗ dẫn giải thoát đạo của Tam-ma-địa, cũng không nhập Căn bản địa. “Vô lậu Hữu lậu đều gọi là Phương tiện”, chưa đắc quả mãn Vô học thì gọi là Phương tiện, vì nói đoạn Hoặc làm giải thoát, cho nên nói Sơ ly sinh hỷ, còn lại Định sinh hỷ v.v... có thể biết được rồi. Hoặc câu “đồng thời” này tức là Vô gián đạo của Vị chí địa, gọi là Tam-ma-địa, vì Địa này có thể giải thoát chướng, cho nên gọi là giải thoát, cũng với Thể của Tam-ma-địa và giải thoát ở trước không đồng, lấy làm câu “đồng thời”, vì chỗ mong khác nhau.

Trong An lập Cái chướng thứ ba, có hai thuyết minh:

1. Thuyết minh Cái tướng.
2. Thuyết minh Cái thực.

Cái tướng có hai đoạn: một là Nêu bày, hai là Giải thích riêng.

Trong Hôn trầm và Thuỳ miên cái:

1. Giải thích riêng tướng.
 2. Hợp chung lập làm lý do của Cái. Không giữ căn môn v.v... như Thanh văn địa nói; tâm rất sơ suất, như Duy Thức nói.

- Trong Phân giải và hợp chung lập Cái:

1. Có hai chữ “lại nữa” để giải thích.

2. Kết thành nghĩa thuận nhau mà sinh.

Trong Trạo cử và Ác tác cái:

1. Giải thích riêng hai tướng.

2. Phân giải và hợp chung lý do lập Cái. Trong Lý do có hai “lại nữa”: a. Phân tách xứ sở của Câu duyên, Thân thuộc v.v... đồng nhau, hợp chung lập một Cái. b. Phân giải Hành tướng tương tự mà hợp chung lập Cái.

Trong phần riêng giải thích tướng Ác tác ở trước có ba thời:

1. Thời gian tại tục, hoặc nghĩ rằng ta vốn có chút ít duyên gì với xuất gia.

2. Thời gian mới xuất gia, hoặc là người nhân đó truy nhớ khi xưa chỗ đã từng trải qua.

3. Thời gian sau xuất gia, tướng của hiểu và hành tướng tự, vẫn cũng có ba đoạn.

Đối với Sự nên làm cho đến không nên làm và làm ngược lại. Giải thích hai thời đầu, là hối nên làm, không nên làm, khởi phải làm và làm ngược lại, đều thông với thời gian tại tục và thời gian mới xuất gia, cho nên kể đó là trừ chỗ sinh Ác tác của sự truy nhớ hối hận ăn năn trước kia và sinh Ác tác sai biệt. Thứ hai giải thích chỗ khởi Ác tác trước khi xuất gia và sau khi xuất gia.

“Trừ chỗ sinh Ác tác v.v... của sự truy nhớ hối hận ăn năn trước kia”, là trừ chỗ khởi Ác tác trong thời gian tại tục. “Triền phược của Ác tác này cũng chưa xả được”, là chỗ khởi Ác tác trong thời gian mới xuất gia cũng chưa có thể xả. Sau đó “lại sinh ưu sầu luyến tiếc”, là chỗ khởi nhớ lại các sự trước kia đã từng vui đùa, đây cũng là xuất gia, lấy một loại Ác tác sai biệt sau. Trên đến đây có hai loại nhiếp Ác tác trong ba thời trước:

1. Tại tục Ác tác, là xứ của nó có thể khởi, cùng với cảnh giới của Trạo cử có thể đồng.

2. Xuất gia mới khởi Ác tác, thì hành tướng không nên khởi, cho nên gọi là Phi xứ ác tác.

Do đó luận quyển 3 tổng kết ghi: “Kế đó chỗ sinh Phi xứ ác tác trước và chỗ khởi Ác tác sau khi xuất gia, tuy cùng với xứ sở của Trạo

cử không đồng, nhưng tương thì tương tự, không phải chỉ có đồng cảnh, Ác tác ưu luyện cùng với Trạo cử hợp chung mà lập Cái, không phải Thể của Trạo cử không có khắp trong các tâm nhiễm, nhưng hành tướng tăng trưởng thì Thời này không phải có. Nói Xứ không đồng, cho nên cùng lý không trái với Duy Thức.

Trong phần Nghi, “đối với Sư”, là đối với hai ngôi báu Phật và Tăng. “Đối với pháp”, là đối với Lý. “Đối với học”, là Hạnh. “Đối với hối”, là Giáo. “Đối với chứng”, là Quả. Tức là bốn pháp bảo Giáo, Lý, Hạnh, Quả. Do đối với Tam bảo ôm lòng nghi hoặc, không thể dũng mãnh tiến nhập phương tiện Đạo đế, và chánh đoạn tịch tĩnh Diệt đế. Hoặc Phương tiện là Gia hạnh đạo, Chánh đoạn là Đạo đế, Tịch tĩnh là Diệt đế. Dưới đây thuyết minh Thực và Phi thực. Thực, nghĩa là nuôi lớn, sinh thêm duyên của Cái. Phi thực, là pháp đoạn diệt Cái. “Nếu người có thể đối với Phi thực này mà xa lìa tâm nhiễm v.v...”, đây là chỉ nêu ra nguyên nhân của tướng Tịnh diệu. Chín sự phiền não, như trong quyển 58 nói. “Pháp Quang minh, là như có một pháp tùy chỗ Thọ, chỗ Tư, chỗ Xúc của nó”, là Văn tư tu tuệ, như thứ tự phối hợp với nó mà quán sát các pháp, thông với ba tuệ trên. Lại nữa, “chứng Quán sát có thể trị Hôn trầm, Thuỳ miên, Hắc ám”, Chứng là tu pháp tuệ, là Xúc gặp trong Định gọi là Chứng, do pháp Quang minh, các tuệ Văn tư tu trừ Si và Nghi. Tại Tu vị có thể trừ Thuỳ miên, vì có thể hiển rõ các pháp tánh, gọi là pháp Quang minh lấy làm Phi thực. Tiểu (cười), là tùy chỉ có một. “Hoặc theo khai mở mà luận, hoặc theo hợp chung luận”, là hiển thị nói năng gọi là Khai luận, ẩn mật phỏng theo thí dụ mà nói năng, hợp lại khiến cho hiểu gọi là Hợp luận. Há miệng mà cười, khiến cho lộ răng, gọi là hiện xỉ, trong cổ họng phát ra tiếng gọi là Ách ách (tiếng cười).

Chín loại Trụ tâm, như quyển 30, Thanh văn địa, Đối Pháp luận quyển 10 giải thích “hữu duyên duyên khởi”, hữu duyên là Quả pháp, duyên khởi là Nhân pháp.

Trong An lập chi phần thứ tư, có ba đoạn:

1. Nương vào Địa lập số.
2. Thuyết minh phế và lập.
3. Hỏi và phân rõ.

- Hợp chung lấy bảy môn phân riêng:

A. Giải thích tên gọi:

Chi là chi phần, như Giác đạo chi. Tát-bà-đa nói: “Định là Tĩnh lự, cũng là Tĩnh lự chi, ngoài ra là Tĩnh lự chi không phải Tĩnh lự”. Như

thật nghĩa, là như bốn chi quân, vì mỗi mỗi đều đối trị. Xả niệm tri có ba thứ, nương vào Định vị đồng có thể trừ chướng, gọi là Nội đẳng tịnh, vì tịnh các chướng. Các tên gọi còn lại có thể hiểu.

B. Nêu thể:

Số tuy có mười tám, nhưng Thể chỉ có bảy loại: 1. Tâm. 2. Tứ. 3. Thọ. 4. Định. 5. Xả. 6. Niệm. 7. Tuệ. Định và Lạc của loại thứ nhất tức là Lạc thọ, không phải Khinh an; Biến hành có một là Thọ; Biệt cảnh có ba là Niệm, Định và Tuệ; Thiện có một là Xả; Bất định có hai là Tâm và Tứ. Do Nội đẳng tịnh, quyển 63 nói tức là Xả niệm chánh tri, cho nên số của nó chỉ có bảy số, càng không có thêm bớt. Chủng loại của ba Địa khác nhau, chỉ có tịnh Vô lậu đủ chi phần này, không phải Định nhiễm ô. Trong Định nhiễm ô, Câu-xá quyển 28 ghi: “Định nhiễm thứ nhất, không có Hỷ lạc, vì không phải lìa phiền não mà được sinh. Định nhiễm thứ hai, không có Nội đẳng tịnh, Định nhiễm kia làm chỗ nhiễu loạn của phiền não. Định nhiễm thứ ba, không có Chánh niệm tuệ, vì Định nhiễm đó làm chỗ mê loạn của nhiễm Lạc. Trong Định nhiễm thứ tư, không có Xả niệm tịnh, vì Định nhiễm đó làm chỗ nhiễm ô của phiền não”. Hiện tại luận này cũng có thể như vậy, có Tứ y địa, Vị chí định và hai Tĩnh lự đầu của nó đều trừ Lạc của nó, các Tĩnh lự khác đều có đầy đủ. Hoặc chỉ nương vào Căn bản, vì Định tuệ bình đẳng. Đối Pháp luận ghi: “Trong các loài Vô sắc không lập chi phần, vì tánh Xa-ma-tha một vị, cho nên năm Đoạn chướng khác nhau, ba Tĩnh lự đầu mỗi mỗi có năm Đoạn, Trừ có hai. Chỗ Trừ của bốn Tĩnh lự mỗi mỗi đều có bốn Trừ; sáu, năm, bốn chi phần là nguyên nhân tăng giảm. Trong Tĩnh lự thứ nhất không có Niệm tri xả, trong Tĩnh lự thứ hai gọi là Nội đẳng tịnh, Tĩnh lự thứ tư nêu tên Thanh tịnh, đều như quyển 63 giải thích. “Tĩnh lự thứ tư không lập Chánh tri”, là chỗ che khuất của Bất khổ lạc, tánh của minh ám và lợi độn trái nhau.

Hỏi: Định và Hỷ hai Tĩnh lự động phát khởi Hoặc có thể chướng gọi là Nội tịnh, bốn Định và Xả thọ chậm lụt, đã chướng Chánh tri, thì cũng Bất tịnh đúng không?

Đáp: Hai Định do Hỷ sinh phiền não, khiến cho chướng chung ba thứ gọi là Nội tịnh, bốn Định và Xả thọ, chỉ chướng Tuệ, không chướng Xả niệm, gọi là thanh tịnh. Hành tướng của Xả chậm lụt, chướng tuệ minh lợi, cho nên Định thứ tư không lập Chánh tri, không phải do khởi Hoặc chướng ngại Xả và Niệm, cho nên nói cả hai thanh tịnh.

Trong bảy Phế lập, quyển 63, Đối Pháp và kinh Thập Địa đều có ba Tâm tứ :

1. Làm Đối trị hỷ lạc.
2. Làm lợi ích Định.
3. Làm Sở y.

Trong luận này nói bốn Tâm tứ làm Sở duyên của Thủ, là quán tùy theo Cảnh thích ứng để có thể đối trừ, Định làm Sở y, Hỷ thì lãnh thọ Sở đắc, Lạc thì trừ thô trọng. Tâm thọ thích khoái gọi là Hỷ, vui sướng bản thân gọi là Lạc, thô trọng tại thân, cho nên Lạc sinh thì thô trọng diệt, gọi là Trừ, không phải trừ Hoặc của cõi dưới. Trừ Hoặc của cõi dưới, chỉ có Tâm tứ, tức là hiển các kinh luận gọi là Lợi ích. Chi có hai nghĩa:

1. Lãnh thọ Cảnh sở đắc.
2. Trừ Chướng thô trọng.

Định thứ ba và Định thứ tư lấy Sở đắc của lãnh thọ, tức là trừ thô trọng càng không có riêng Thể, vì có đủ hai Năng cho nên các căn thích khoái xả thô trọng. Ân là Ân đức, tức là các chi này, đối với người tu Định đều có ân. Trong quyển 63 có nhiều câu “lại nữa”.

Trong giải thích tên gọi khác của An lập, có năm tên gọi:

1. Tăng thượng tâm.
2. Hiện pháp lạc trụ.
3. Bỏ phần Niết-bàn (Niết-bàn của phần kia).
4. Sai biệt Niết-bàn.
5. Nêu các Thọ sự.

Văn phân làm bốn đoạn, đoạn thứ ba và thứ tư hợp chung lại phân biệt. Tăng thượng tâm, Thể của Định gọi là tâm, vì có thể nhiếp tâm; hoặc Sở y gọi là tâm, Định có thể nhiếp tâm. Sự Tăng thượng của tâm gọi là Tăng thượng tâm.

Trong Hiện pháp lạc trụ có ba giải thích:

1. Giải thích Lạc.
2. Giải thích Hiện pháp.
3. Giải thích Vô sắc, không gọi là nguyên nhân.

Lãnh thọ hỷ lạc, là Hỷ lạc thọ. An lạc, là Khinh an. Xả lạc, là xả Thọ lạc. Thuận theo vui sướng thân tâm đều gọi là Lạc. Thân tâm Lạc, là chỗ vui thích khoái lạc. Lạc trụ, quyển 63 ghi: “Trói buộc tâm bên trong vì không chuyển lưu tán loạn”. Trụ có thể dẫn Lạc gọi là Tận lạc trụ, do đây mà Bồ-tát địa nói: “Hữu lậu Lạc, là sở trói buộc của ba cõi. Vô lậu Lạc, là thuộc về không trói buộc”. Luận này y theo thân tâm đều có bốn Lạc là Hỷ lạc, An lạc, Xả lạc và Thân tâm lạc. Bốn Tĩnh lự được gọi là Lạc trụ. Cõi Dục không có hai Lạc sau, cõi Vô sắc không

có hai Lạc trước, cho nên tuy Lạc hiện tiền, nhưng không gọi là Lạc trụ. Lại nữa, Hỷ lạc là lạc của Sơ và Nhị thiền, An lạc là Đệ tam thiền, Xả lạc là lạc của Đệ tứ thiền, thân tâm lạc là lựa riêng với Phi lạc trụ của cõi Vô sắc. “Bí-sô ở A-luyện-nhã liền sinh lời chê rằng: Ta nay hỏi ông, tịch tĩnh giải thoát siêu Sắc và Vô sắc mà không thể nhớ v.v...” câu này có ý nói Vô sắc định gọi là Siêu sắc, Vô lậu định gọi là Siêu vô sắc, hai Định này gọi là Hiện pháp lạc trụ tịch tĩnh giải thoát, cho nên luận này nói Định vô sắc giới không phải Lạc trụ. Bốn Tĩnh lự của cõi Sắc gọi là Tịch tĩnh giải thoát, là Hiện pháp lạc trụ, vì Hiện hành phiền não đã đoạn một phần, Chủng tử thì chưa đoạn, sau đó sinh trở lại, vì không phải Quyết định, gọi là Bỉ phần Niết-bàn. Nói Vô lậu Tĩnh lự và Vị định, từ hai Định này cũng gọi là Bỉ phần Niết-bàn, cũng là Hữu vi, không phải Vô vi cứu cánh Niết-bàn, gọi là Sai biệt Niết-bàn, cũng là một phần đoạn. Tịnh định và một phần Vô lậu, chiết phục phiền não, gọi là Bỉ phần Niết-bàn. Đoạn Hoặc vô lậu không phải Vô vi cho nên gọi là Phi quyết định, là Bỉ phần Niết-bàn. Lại nữa, tánh Phi đoạn chứng Phi trạch diệt, có thể chứng Tĩnh lự cũng gọi là Bỉ phần Niết-bàn. Chân Niết-bàn thì gọi là Thử phần Niết-bàn. Giả Niết-bàn thì gọi là Bỉ phần. Bỉ phần có nghĩa là chủng loại tương tự, Bỉ là giả chủng loại mà Chân là tương tự, gọi là Bỉ phần Niết-bàn, cũng là Sai biệt của Niết-bàn, nên gọi là Sai biệt Niết-bàn.

Trong phần giải thích nêu Thọ sự thứ năm, có bốn đoạn, trước hết nêu bốn đoạn: 1. Dẫn kinh chứng thành.

2. Cùng với năm Thuận xuất ly giới triển chuyển tương nhiếp.
3. Nhân theo giải thích kinh Lục Xuất Ly Giới.
4. Giải thích lìa các tội lỗi gọi là Xuất ly y.

Trong đoạn thứ nhất “dẫn kinh chứng thành” có ba phần gồm: Nêu bốn Xuất ly, giải thích kinh Xuất Ly, hỏi đáp phân rõ.

Xuất ly có ba nghĩa là Bất hành, diệt thô trọng và lìa nhiễm: 1. Định lìa ưu, có ba nghĩa này. 2. Định lìa khổ, chỉ có nghĩa diệt thô trọng, vì nhiễm thứ nhất đã xả, nhiễm sau còn hiện hành. Ba lìa sau, có đủ nghĩa diệt thô trọng và nghĩa lìa nhiễm, không có Tương ly xả, phải đến giai vị Vô học, các vị khác thì gọi là phần ly, không được gọi là Ly.

- Trong giải thích kinh Xuất Ly có hai đoạn:

1. Giải thích kinh Ly Ưu.
2. Ví dụ Ly trong các kinh khác.

Như vậy đối với các chỗ tùy khác phải nên biết văn đó, đoạn văn thứ nhất có bốn đoạn. Thế nào là Tri tự? Tự là căn do, có thể phát

Căn là Căn cảnh. Vô tri Chứng tử là vì người vô tri phần nhiều khởi ưu phiền, cho nên luận này gọi là Tự, nếu không phải nhiễm ưu thì cũng nói là do Si khởi. Lại nữa, Chứng tử phiền não đều có thể khởi ưu, vô tri làm gốc, nhưng nói Chứng tử kia do tánh của ưu căn bất thiện này, do Si mà bị tổn, là Dục thì liền xả, ngoài ra cũng tùy Vô (không có), vì vô tri diệt. Nếu có Phân biệt mà không phải Câu sinh, thì Ly dục cũng xả, vì ưu căn của Câu sinh làm bạn loại để xả.

- Trong vấn đáp có ba đoạn:

1. Tướng của các căn.
2. Thuyết minh Khổ căn.
3. Giải thích Vô tướng.

Khổ căn trong Sơ tính lự thô trọng cũng chưa đoạn, là do các ưu căn, vô tri v.v... dẫn khởi, khi Khổ căn kia là nhiễm thì tất cả đều không hiện hành, thô trọng cũng xả. Nếu đối với pháp Vô thượng hàm mộ hoặc sâu lo, thì cũng là Vô tri dẫn khởi, cho nên là Dục thì xả. Vì các Khổ căn không do Si dẫn khởi, vì là Dục cũng còn hiện hành. Thô trọng kia không có tánh kham nhậm thì hai Định mới diệt.

Hỏi: Khổ căn là Dục khởi thô trọng, Nhị thiên diệt Hỷ lạc là Xả địa dưới, thì thô trọng của Địa trên trừ chăng?

Đáp: Sở y của Khổ căn và Tâm tứ đều có trong Sơ định. Nhị thiên diệt thì Hỷ lạc Sở y không có dẫn riêng. Khi là nhiễm thì thô trọng mất, nếu Sơ tính lự đã đoạn Khổ căn, thì đó là hành giả đã nhập Sơ tính lự và Tĩnh lự thứ hai, lúc đó Sở tác của Thọ trụ sai biệt đáng lẽ không có v.v... Câu này có ý nói, Sơ định diệt Ưu, Nhị định diệt Khổ, do đây tuy có Hiện pháp lạc trụ mà thành sai biệt, nếu trong Sơ định đã diệt Khổ, thì Nhị định không có riêng Hiện pháp lạc trụ, đáng lẽ không có sai biệt. Kinh nói Tĩnh lự ra khỏi Thọ sai biệt trụ trở thành Sai biệt. Lại nữa, vì đây là đoạn Thọ có sai biệt. Tâm tứ của Sơ định không phải Tĩnh lự, vì thô trọng chưa đoạn diệt. Tịch tĩnh trong Nhị định, thì thô trọng mới đoạn diệt. Nếu trong Sơ định, Khổ căn đã đoạn, đây là riêng biệt đáng lẽ không có. Lại nữa, Vô tướng là chỗ nhập của Không định của người Vô học, gọi là Vô tướng tâm định, Hữu lậu xả Chứng tử, làm Phiền não phược, mượn gọi là Tùy miên, gọi là thô trọng, nhập trong Định này thì thô trọng đó bị đoạn. Hiện hành Vô lậu xả, mượn gọi là Hiện triền, trong Định cũng còn khởi, không phải các Thọ kia bị Phiền não nhiễm ô mà được có Tùy miên, ngay Tùy miên này gọi là thô trọng, không phải Vô lậu Thọ mà không có Chứng tử. Hỷ căn, Lạc căn và Xả căn này, nhưng nói nương các Địa trên, vì Địa tăng lên mà không phải pháp

nào khác.

“Cùng với năm Thuận xuất ly giới triển chuyển tương nhiếp”, văn có ba đoạn:

1. Giải thích chữ Xuất ly.
2. Giải thích vấn nạn.
3. Giải thích kinh.

Do Dục khuể hại xuất ly, tức là nói cho đến Lạc căn xuất ly. Dục khuể hại có ba thứ, Tâm là chỗ xuất ly Bất tịnh từ bi, do ba Quán này tùy chỗ thích ứng của nó mà thông với bốn Định hữu, cho nên lia bốn Thọ tức là ba Xuất ly. “Do Sắc xuất ly, tức là nói Xả căn xuất ly Tĩnh lự thứ tư”, đây là chứng đắc Không xứ định lia Dục của cõi Sắc, tức là Xả căn xuất ly của Định thứ tư. “Do Tát-ca-da diệt”, tức là Vô tướng tâm định, lia nhiệm của ba cõi, cuối cùng khi dứt hết thì gọi là Xả căn xuất ly của cõi Vô sắc. Từ đây về sau hai thứ hợp chung gọi là Xuất ly xả căn. “Nói Thuận xuất ly có những nghĩa gì”, trong đây có ý nói, Quán xuất ly của phàm phu hữu học, không phải lia xuất ly, hiện tại ở đây nói năm Quán là người vô học, đã có thể xuất ly thì gọi là Thuận xuất ly, vì quả thuận với nhân xuất ly mà quán, không nói phàm phu hữu học. “Do khởi thử quán xuất ly đối với bỉ, là đã xuất ly dục của ba cõi, chứng đắc Vô tướng tâm định, làm cho Tát-ca-da diệt”, là nói cõi này. “Các xuất ly kia tuy lại đồng thời”, là ngay khi trừ Hại. “Phỏng theo đối trị có sai biệt”, là y theo tướng biệt hành và tiền phương tiện vị. “Trên đây chỉ có một loại đối trị”, là Định thứ tư xả, lia sắc trừ nhiễm, chỉ quán đối với Không, một loại đối trị, cõi Vô sắc xả đối với thân tứ uẩn, riêng tu Không quán một loại đối trị, không đồng với ba Quán trước, Gia hạnh riêng tu hành tướng có khác nhau, tuy đồng thời đoạn nhưng riêng kiến lập ba loại đối trị, hai loại sau thì không như vậy, cho nên không có sai biệt. “Thế nào là mãnh lợi kiến v.v...”, trong giải thích kinh có hai mươi tám câu câu, mười ba câu đầu là Ly dục phương tiện đạo, các câu sau thì cùng với luận này trái nhau. Mười lăm câu sau chính là Ly dục đạo, kinh này có ý hiển thị do Gia hạnh trước ly dục đạo mà nhiễm ái của thân A-la-hán không hiện hành, các Hoặc không khởi, như hoa sen đỏ, nước không dính, cho nên khởi năm quán gọi là Thuận xuất ly.

Trong mười ba câu đầu, tám câu trước là không dính mắc Dục quán, năm câu sau là chán Dục quán, là do quán sát tác ý, đó là câu chung. Hai Tác ý dưới đây là câu riêng, vì muốn thẩm sát kỹ phiền não đoạn và chưa đoạn, lại càng khởi Tác ý để quán sát Sinh kia tùy thuận với tướng tịnh. Trong bảy Tác ý đó, tướng của quán sát Tác ý, ở sau đối

trị tác ý quán sát, gọi là đối với Thắng sự tác ý; niệm niệm quán sát tiến tu đối trị, gọi là Tác ý công dụng nhanh mạnh, do đó luận này nói Tiễn phương tiện đạo là nhiệm của ba cõi. Nói quán sát Tác ý, là Gia hạnh đạo của Gia hạnh cứu cánh tác ý. Do đây không nói Liễu tướng tác ý v.v... vì là Dục của cõi Dục. Lại nữa, Gia hạnh đạo của ba cõi là quán sát tác ý, nghĩa thì căn cứ theo riêng là Dục của ba cõi, vì có ba Vô gián đạo. Quán sát tác ý là là nhiệm của cõi Vô sắc, vì có Gia hạnh đạo trước. Luận này nói La-hán rốt ráo là Dục, vì khởi năm thứ Quán. Căn cứ theo văn từ đây về sau trong Chánh đoạn đạo, giải thích chính tâm đó là Thiện thế, là khi tùy trụ Gia hạnh cứu cánh tác ý, đang đoạn các Hoặc, đang đắc Cứu cánh tâm diệu trụ đạo, tên đó là Thiện thế. “Thế nào là Thiện tu? Là khéo tu tập các Tác ý khác, cho nên phải biết đây là nói những bậc Đoạn vị và Đoạn phương tiện đạo vị”, là khéo tu tập Gia hạnh cứu cánh tác ý vô gián đạo đoạn vị này và khéo tu Đoạn phương tiện đạo vị của Quán sát tác ý trước. Giải là là hiện hành, Thoát là là tướng trói buộc. Ly hệ là là Tùy miên, là ba thứ sai biệt. Có ba Đoạn này cho nên thô trọng tùy diệt theo. “Từ chỗ sinh các lậu của các Dục duyên trừ dục tham”, trong Phương tiện trước đã chán khắp, là nguyên nhân để trừ nó. “Tổn hại và thiếu thốn”, sinh nẻo ác gọi là Tổn, thiếu thiện quả gọi là Quý. “Đối với giải thoát kia, siêu xuất ly hệ như thứ tự trước”, giải thoát Triền gọi là Siêu, giải thoát Sở duyên gọi là Xuất, giải thoát Tùy miên gọi là Ly hệ. “Là nương vào sẽ chứng đắc và chánh đắc Tùy niệm các Dục cảnh v.v...”, tức là vị lai, hiện tại và quá khứ, như các thứ tự cảnh giới Dục của nó.

- Giải thích văn của kinh Lục Xuất Ly Giới, có bốn đoạn:

1. Dẫn chứng kinh giải thích.
2. Thuyết minh riêng trừ Hành tướng.
3. Giải thích vấn nạn.
4. Giải thích năm Giới và sáu Giới sai biệt.

“Do đó Từ... đối với Khuể hại v.v... không phải chánh đối trị”, đây là hiển thị mới tu hành còn khởi Ngã mạn, nghi hoặc chưa trừ, vì khiến cho chiết phục, xả các tà chấp, cho nên kiến lập Giới này.

Trong riêng trừ Hành tướng có hai đoạn:

1. Phỏng theo ba loại mà riêng trừ.
2. Phỏng theo sáu hạnh mà riêng trừ.

“Quán sát rốt ráo chánh đạo lý cho nên kiến lập Hành thứ sáu”, chỉ có chỗ chấp Ngã không của Đế thật nhân quả, gọi là Chánh đạo lý, vì quán sát Chánh đạo lý này mà Mạn nghi liền diệt. 1. Khuể; 2. Hại;

3. Tật; 4. Si tham khuể.

Bồ-tát địa ghi: “Như kế đó là từ bi hỷ xả, bốn loại Đối trị”. Luận này nói Hỷ trừ Lạc, tức là Tật; Xả trừ Tham khuể. “Không nói Si”, vì cảnh Ái tăng không phải bình đẳng, đều ở trong đó mà khởi xả Hành.

Trong “chỉ nói trừ hai loại”, Cảnh thuận xả lược bỏ không nói, thật ra cũng trừ Si. “Nếu lìa Ngã mạn đối với tự giải thoát”, không chấp Ngã mạn, lìa mạn chấp mà chuyển, gọi là giải thoát; trong chỗ chứng Đế bảo v.v... thì liền không có nghi hoặc.

Giải thích nạn hại, nói “các Xuất ly định này có thể xuất ly tất cả Khuể v.v...”, là có vấn nạn rằng, tu Từ v.v... sáu môn, thì chỗ trừ quyết định lìa Khuể v.v... sáu loại, những gì trước đã nói do đó Từ v.v... đối với Khuể hại v.v... không phải chánh đoạn trừ”, luận này giải thích rằng, các xuất ly này, đến tu tập mãn vị, thì quyết định có thể xuất ly tất cả Khuể v.v... khi làm Phương tiện trước là tu bất thiện, cho nên tội lỗi của Khuể v.v... dung chứa có thể hiện hành. Do đây mà trước nói không phải chánh đối trừ. “Bốn loại trong phần thứ nhất là chỗ nhiếp của Thiên trụ v.v...”, là hai thứ Từ Bi nương chung với Thiên tu, gọi là Thiên trụ, nương riêng với Vô lượng tu, gọi là Phạm trụ.

- Trong giải thích lìa các tội lỗi gọi là Xuất ly y, có ba đoạn:

1. Nêu Xuất ly y có bốn loại.
2. Tùy riêng giải thích lý do của Hành tướng.
3. Tổng kết được mất của bốn Chủng, bốn Thời.

- Đoạn văn thứ hai có hai phần:

- a. Nhân theo bốn người mà có kiến lập riêng bốn loại.
- b. Rộng giải thích Hành tướng.

“Nhân theo Siểm trá đó mà nói pháp là Y, không phải Sở thủ thú v.v...”, là người có Siểm trá thì cho rằng sư là thù thắng, thấy tướng uy nghi mà liền y theo để học. Ở đây là khiến cho nương vào pháp, không nương theo người. Phải cùng với luận kia phân biệt quyết trách tự mình mới chứng biết, không phải gần với người mà liền chứng biết. “Tức là trong đây lại có sai biệt”, là giải thích lại chữ Tứ y ở trước. Phật thuận theo thế tục có hai loại ngôn từ là nhân và pháp. Đây là khiến cho y theo pháp không y theo nhân, không thể nghe Phật tùy theo lời nói của người, đó cũng là Y nhân, Phật thuận theo ngôn từ của thế tục là không phải y theo chấp. Từ câu “pháp cũng có hai thứ” trở xuống, giải thích Y thứ hai. Do thuận theo thế gian mà thuyết văn tự để hiển rõ nghĩa lý, không phải chỉ nghe theo văn tự của thế gian mà liền thành rốt ráo, cho nên khiến cho y theo nghĩa. “Kinh của Phật thuyết, hoặc có liễu nghĩa

v.v...”, đây là giải thích Y thứ ba, tuy khiến cho y theo nghĩa, nhưng không nên tùy theo Kiến thủ của mình làm thù thắng, mà y theo kinh liễu nghĩa. Liễu nghĩa có bốn thứ, như trong Biệt chương giải thích. “Thế Tôn hoặc có khi tuyên thuyết y theo Thứ v.v...”, đây là giải thích Y thứ tư. Trời người nhân theo nói Thức, Niết-bàn nhân theo nói Trí, trong kinh liễu nghĩa vì người mới tu mà nói Thức, vì người tu lâu mà nói Trí. Có người nghe mới tu liền chấp làm cùng cực, hiện tại thì ngăn trách người này cho nên nói Y trí, vì nắm lấy cứu cánh.

Trong phần Kết thứ ba, “sơ lược y theo bốn Thời mất và không mất”, là khi đắc pháp thì y theo pháp Trí mà sinh, không y theo nơi người, khi nhập trì nghĩa, thì có thể là Văn trì, không phải văn nghĩa trì Đà-la-ni. Khi quán sát nghĩa thì nương vào liễu nghĩa, không phải bất liễu nghĩa, vì nghi trí sinh; khi pháp tùy pháp hạnh, thì pháp là Diệt đế, Tùy pháp là Đạo đế; khi tu Xuất ly đạo, thì y theo Trí không y Thức. Bốn Y trên đây, từ Hạnh đầu đến Hạnh cuối, từ thô tu tập đến tế tu tập, rốt ráo thành tựu tròn đầy, thứ tự như vậy.

“Lại nữa, đã nói An lập thì phải biết đối với An lập này v.v...”, là bài tụng năm môn trước nói: “Tổng nêu cùng với tướng An lập Tác ý sai biệt, nhiếp tông yếu tối hậu của các kinh nhiều tạp nghĩa, đã giải thích Tổng nêu và An lập. Đoạn thứ ba sau đây hợp chung giải thích hai môn Tác ý và Tướng. Trong đây, Sở duyên tức là Tướng, văn phân làm ba đoạn:

1. Nêu duyên khởi.

2. Giải thích riêng.

3. Phân tích chung.

- Trong giải thích riêng, có hai giải thích:

a. Giải thích Tác ý.

b. Giải thích Sở duyên.

- Trong giải thích Tác ý có ba phần:

a. Nêu riêng bảy Tác ý và bốn mươi tên Tác ý.

b. Giải thích riêng hành tướng của bốn mươi Tác ý.

c. Lấy bảy Tác ý cùng với bốn mươi Tác ý nhiếp nhau.

Tướng của bảy Tác ý như quyển 33 sau, có ba chữ “lại nữa” giải thích tướng của nó, cùng với bốn Đối trị nhiếp nhau, Đối Pháp quyển 9 cũng vậy. Quyển 28 và 29 nói, bảy Tác ý cùng với bốn Tác ý có ba loại Du-già nhiếp nhau, đều rộng như quyển đó, sợ văn nhiều không nói ra đây.

- Bốn mươi Tác ý phân làm mười hai loại:

1. Giáo và Nghĩa.
2. Bốn Niệm trụ.
3. Giả và Thật.
4. Phàm Thánh ba loại.
5. Đoạn sơ trung hậu ba loại.
6. Quán và Chỉ hai loại.
7. Hữu và Không hai loại.
8. Tu chứng Lià nhiễm sáu loại.
9. Bốn Đạo.
10. Bốn Vị tu.
11. Bốn loại Tuệ và Định, lià chướng mà chứng đắc tự tại.
12. Bốn loại nhân quả của ba Thừa.

Tất cả Tác ý, bốn loại đầu làm một nhân chung, tám loại sau chỉ có tại Hữu học và Vô học, làm một nhân riêng. Thể của Tác ý này tức là Biến hành tâm sở, khi tu Định tuệ thì dụng của Tác ý tăng thêm. Đối Pháp luận ghi: “Tác ý tăng trưởng lợi ích, là khéo thuận với Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na”. Nhưng hiện tại trong luận này, khi tu Định thì Tác ý rất thù thắng. Đối Pháp luận cũng ghi: “Tác ý, là đối với một Cảnh trì Tâm khiến cho trụ”. Đối với Đẳng dẫn địa, thuyết minh bốn mươi Tác ý, tuy Tác ý này thông với Định và Tấn, nhưng phần nhiều y theo Định vị kia mà tu. “Duyên pháp, là Văn tuệ; duyên nghĩa, là Tư tu”, là mỗi mỗi đều nương vào nhiều duyên, không phải Cảnh chỉ có như vậy, Văn ít duyên nghĩa, thì Tu cũng duyên theo giáo. “Thắng giải tác ý”, Đối Pháp luận quyển 11 nói, là Tác ý của thế gian. “Chân thật tác ý”, Đối Pháp luận nói là Tác ý xuất thế gian và từ đây về sau chỗ chứng đắc Tác ý tức là Bản trí và Hậu trí”. Trong đây nói “lấy Tự tướng và Cộng tướng để tư duy các pháp”, tức là Hậu đắc trí; “Duyên lý Chân như”, tức là Căn bản trí. Biến tri tác ý, là viển Gia hạnh đạo; Chánh đoạn tác ý, là cận Gia hạnh đạo và Vô gián đạo đã đoạn Tác ý, là hai đạo còn lại, Hữu phân biệt đạo và Vô phân biệt đạo. Ảnh tượng tác ý, là Cảnh của thể phân biệt, tức là Tâm và Tâm sở của ba cõi, vì phân biệt gọi là pháp nhiếp ba cõi. Trong năm pháp, thì Tướng gọi là Phân biệt của Phân biệt. Hai Tác ý này thì Cảnh và Thể là một, Quán và Chỉ riêng biệt cho nên phân làm hai loại. Đối Pháp quyển 11 ghi: “Có Sở duyên của Ảnh tượng phân biệt, là Cảnh sở duyên Thắng giải tác ý của Định, Tuệ. Không có Sở duyên của phân biệt Ảnh tượng, là Cảnh sở duyên Chân thật tác ý của Định, Tuệ”. Luận đó nương vào Chỉ quán của Hữu lậu tác ý, gọi là Hữu phân biệt ảnh tượng, vì thể là hư vọng

phân biệt, không có Chỉ quán thì gọi là Vô phân biệt ảnh tượng, vì thể không phải hư vọng. Trong đây y theo Cảnh sở duyên gọi là thể phân biệt. Năng duyên Chỉ quán phân thành hai loại, cho nên không trái với biên tế của sự. “Sở tác thành biện”, trong Đối Pháp luận và quyển 26 dưới đây trái nhau, sau sẽ giải thích Sở duyên tác ý của sự biên tế. “Sở duyên tác ý của Sở tác thành biện”, luận này có hai giải thích, một là giải thích đồng Đối Pháp. Đồng Đối Pháp thứ nhất là Tận sở hữu tánh và Như sở hữu tánh, Tận sở hữu tánh là các pháp thể sự của Uẩn Giới Xứ, vì chỉ có như vậy. Như sở hữu tánh, là mười sáu hạnh Chân như của bốn Thánh đế, tất cả Hành vô thường, tất cả Hành là khổ, tất cả pháp Vô ngã, Niết-bàn tịch tĩnh, Không, Vô nguyện, Vô tướng, các Hành này chỉ có Đế lý, hoặc lấy Đế môn, hoặc lấy Hạnh môn, hoặc lấy các pháp Ôn-đà-nam môn, hoặc lấy giải thoát môn, đối với Uẩn Giới Xứ trước mà lấy nghĩa sai biệt để biết rõ đạo lý, gọi là Như sở hữu tánh. Thể của Sở tác thành tựu tức là Chuyển y, tức là hiển thể thứ nhất, Tận sở hữu tánh chỉ có Hậu đắc trí, thông với Bản hậu trí. Sở tác thành tựu, tức là hai loại Chuyển y của Bồ-đề và Niết-bàn. Trong đây Sở duyên của sự biên tế là thân thọ tâm pháp, tức là Tận sở hữu và Như sở hữu. Sở tác thành biện tức là hai Chuyển y, nói “Ta tư duy như vậy như vậy”, là Hậu đắc trí duyên pháp tự tánh. Hoặc “Ta tư duy như vậy như vậy”, là Hậu đắc trí duyên pháp sai biệt. “Phải có như vậy như vậy”, là Căn bản chứng tự tánh. “Phải phân rõ như vậy như vậy”, là Vô phân biệt trí chứng sai biệt, tuy Chân như tánh không phải pháp sai biệt, do Gia hạnh làm hai hạnh riêng, chánh trí tùy theo ấn chứng nó, cũng nói là hai. Hoặc “Ta tư duy như vậy như vậy”, là nhân của Bản trí. “Phải có như vậy như vậy”, là quả của Hậu đắc trí. “Phải phân rõ như vậy như vậy”, là quả của Bản trí. Trên đây là tổng hiển Chuyển y của Bồ-đề, Sở duyên thanh tịnh là Chuyển y của Niết-bàn. Giải thích này tuy thuận với Đối Pháp luận, nhưng không thuận với luận dưới đây cùng với bảy thứ tương nhiếp. Quyển 2 giải thích: “Luận này cùng với chỗ mong của Đối Pháp luận không đồng”. Sự biên tế, là duyên hiện tại thân thọ tâm pháp sự biên tế. Sở tác thành biện, là Sở tác hiện tại phải phân rõ sự lý. Sự lý này có ba loại:

1. “Ta tư duy như vậy như vậy”, là Sở duyên của tán tâm; hoặc “ta tư duy như vậy như vậy”, là Sở duyên định tâm, vì tán tâm tư duy, cho nên rất ráo phải có như vậy như vậy; quyết đoán quả thành tựu này, vì khởi định tâm tư duy, cho nên rất ráo phải phân rõ quyết đoán quả thành tựu.

2. “Tư duy như vậy như vậy”, là Tướng duyên bản chất, do tư duy này mà phải có như vậy như vậy quyết đoán quả thành tựu này; “Ta tư duy như vậy như vậy”, là Tướng duyên Ảnh tượng, do tư duy này cho nên phải phân rõ như vậy như vậy quyết đoán quả thành tựu.

3. “Ta tư duy như vậy như vậy”, là duyên pháp tự tánh, do tư duy này, cho nên phải có như vậy như vậy quyết đoán quả thành tựu này; hoặc “Ta tư duy như vậy như vậy”, là duyên pháp sai biệt nghĩa, do tư duy này, cho nên phải phân rõ như vậy như vậy quyết đoán quả thành tựu.

Trên đây tổng nêu Hữu vi thành biện, tuy trái với Đối Pháp luận, nhưng cùng với quyển 7 sau nhiếp nhau, vẫn thuận nhau. “Và duyên sở duyên tác ý của thanh tịnh”, câu này có hai giải thích:

1. Duyên Chân như tác ý.

2. Duyên Vô lậu tác ý này, vì lấy làm Sở duyên, cho nên nói rằng duyên sở duyên tác ý của thanh tịnh.

Thắng giải tư trạch tác ý, là tối sơ tư duy chọn lựa các pháp, đây là Tư tuệ. “Xa-ma-tha mới làm thượng thủ”, là nương vào Thắng giải tư trạch của Đẳng dẫn vị. “Tịch tĩnh tác ý, là tối sơ an tâm bên trong”, đây là Đẳng trì an tâm của Tư tuệ vị. “Tỳ-bát-xá-na mới là thượng thủ”, là chỗ tu Đẳng dẫn của Tu tuệ vị. “Do Thắng giải tư trạch tác ý cho nên tịnh tu trí kiến”, là Tuệ phương tiện, vì tuệ thành mãn. “Do Tịch tĩnh tác ý mà sinh trưởng khinh an”, là định làm phương tiện, vì định thành mãn. “Do Nhất phần và Cụ phần tu tác ý cho nên trong các sự trói buộc mà tâm được giải thoát, do Vô gián ân cần tôn trọng tác ý mà trong các kết tâm được giải thoát”, là năm Cái và chín Kết, thật ra thông với Chung tử hiện tại, tướng hiện hành tăng trưởng. Luận này nói thiên về Cái, vì Chung tử khó đoạn, tướng của nó chìm sâu và vi tế, luận này nói thiên về Kết, cho nên nói riêng đoạn. Đối trị tác ý nhiếp Vô gián giải thoát đạo, thuận với thanh tịnh và quán sát, hai Thắng tấn đạo gần biên tế, hoặc Thanh tịnh trí không phải bốn đạo nhiếp. Sáu Tùy niệm, là niệm Phật, pháp v.v... như kinh Bồ-Tát Địa nói. Tự nhiên vận chuyển tác ý, là trong bốn thời:

1. Thời đặc tác ý, trong tương nhiếp dưới đây, là đặc thời đặc Tác ý thứ sáu và thứ bảy, là phẩm nhiếp thứ chín, Vô gián giải thoát đạo.

2. Thời đang nhập và đã nhập Căn bản định, đây là hai thời trước là Kiến đạo và Tiền phương tiện.

3. Thời tu hiện quán, là do Tiền phương tiện, được nhập Kiến đạo và Tu đạo. Người tu đối với thời thứ tư của hiện quán, là A-la-hán vị,

đang đắc là Vô gián đạo, đã chứng đắc là giải thoát đạo.

Thứ ba, bảy Tác ý và bốn mươi Tác ý nhiếp nhau, trong đó hợp chung lấy năm môn phân riêng.

1. Trước hết là phân rõ tướng của bảy Tác ý. Liễu tướng tác ý, có thể hiểu rõ tướng thô của Địa cõi dưới và tướng tinh của Địa cõi trên. Tác ý thứ nhất này, Văn và Tư cũng còn tạp, từ đây về sau chỉ thuần tu tướng, niệm niệm tư duy tướng thô và tướng tinh này, gọi là Thắng giải ý, vì do huân tập Ý này, đầu tiên là Đoạn đạo sinh khởi, Đoạn đạo kia đồng thời với Tác ý, gọi là Viễn ly tác ý, cho nên các thượng phẩm Phiền não và thô trọng Phiền não đều đã đoạn. Lại nữa, công đức của huân lạc cõi trên đoạn, Kiến cõi trên đoạn, đã tiếp xúc phần ít xa lìa Hỷ lạc, để trừ Hôn trầm và Thuỳ miên. Lại luôn luôn tu tập Tĩnh diệu tác ý, vì ưa thích tâm đó, gọi là Nhạo tác ý, hành giả như vậy là chỗ trì giúp phương tiện thiện phẩm, khiến cho các phẩm trong cõi Dục trói buộc, chỗ nhiếp phiền não triền cấu không hiện hành trở lại. Do đây vì muốn thẩm sát phiền não đoạn và chưa đoạn, lại khởi ý quán sát, ý kia tùy thuận với tướng tinh, gọi là Quán sát tác ý, như vậy hành giả luôn luôn quán sát, tiến tu đối trị, vì khiến cho tất cả phiền não của cõi Dục tạm thời được lìa trói buộc. Đối trị đạo này tương ứng với Tác ý, đó là tối hậu Gia hạnh của Sơ tĩnh lự, gọi là Gia hạnh cứu cánh tác ý. Do đây hạ phẩm phiền não của cõi Dục, tất cả đều không hiện hành, từ Vô gián này mà chứng đắc tối sơ Tĩnh lự căn bản. Tối sơ tĩnh lự đồng hành với Tác ý, gọi là Gia hạnh cứu cánh quả tác ý. Trong đây đoạn thượng phẩm Hoặc đạo, khởi đầu có khó khăn.

2. Tác ý làm Gia hạnh. Đoạn các hạ phẩm sau, các Địa đầy đủ cũng khó, vì không phải mới tu:

a. Tác ý làm Gia hạnh, phẩm trước Vô gián, có thể có nghĩa phẩm sau là Gia hạnh. Ba phẩm trong Đoạn, không nói Gia hạnh, phẩm sau Vô gián, có thể có nghĩa phẩm trước là giải thoát đạo. Không nói đoạn sáu phẩm trước, cũng có giải thoát đạo, đoạn ba phẩm sau, vì Địa đầy đủ thì nhập Căn bản. Nói Tác ý thứ bảy làm giải thoát đạo, rộng nói như trong Đối Pháp quyển 9. Dưới đây quyển 33 ghi: “Bảy Tác ý này là một loại của Liễu tướng, thông với Văn tuệ và Tu tuệ, còn lại sáu Tác ý thì chỉ có Tu tuệ, vì Liễu tướng tác ý nhiếp Duyên pháp tác ý, vì Duyên pháp tác ý là Văn tuệ”. Lại nữa, quyển 33 ghi: “Vì đều là Địa của cõi trên, cho nên không thông với Tư tuệ”, có nghĩa chỉ là Tu tuệ. Nhưng ban đầu cũng làm Văn tư xen tạp, mà Thể không phải Văn tư. Quyển 33 ghi: “Vì Định của Sơ tĩnh lự, có bảy loại Tác ý, cho đến Phi

tưởng Phi phi tưởng xứ định, phải biết mỗi mỗi đều có bảy loại Tác ý, vì trong cõi Vô sắc không có Văn tuệ, cũng không phải chưa chứng đắc Căn bản địa, ban đầu liền khởi Văn tuệ.

b. Lậu và Vô lậu phân biệt. Quyển 80 ghi: “Điều thông với Hữu lậu và Vô lậu”.

c. Hữu học v.v... có ba Phân biệt. Thứ nhất và thứ bảy thông ba loại, năm thứ còn lại chỉ thông hai loại đầu, có nói trong phần tương nhiếp ở sau.

d. Bốn Đạo phân biệt. Hai Tác ý đầu và Tác ý thứ năm thông với Gia hạnh tấn đạo. Viễn ly tác ý chỉ có Vô gián đạo. Nhiếp lạc tác ý thông với bốn Đạo. Gia hạnh cứu cánh tác ý thông với Vô gián tấn đạo. Tác ý thứ bảy thì chỉ có giải thoát đạo. Đây là y theo Nhị thừa tu tập bốn Đạo. Tất cả Gia hạnh Vô gián v.v... của các phẩm sau, đều là Tấn tấn đạo của các phẩm trước. Bồ-tát thì không như vậy, từ sát-na dung chứa đủ bốn đạo, nghĩa căn cứ theo đó mà biết. Luận này y theo Liễu tướng thắng giải của các Địa, cho nên thông với Tấn tấn đạo mà dẫn sinh Vô gián. Quán sát tác ý cũng thông với Gia hạnh, Vô gián của phẩm sau là Tấn tấn của phẩm trước. Nói Tác ý thứ sáu cũng thông với Tấn tấn đạo, nương chung chín Địa mà phân rõ thật nghĩa của bảy Tác ý là như vậy. Quyển 62 ghi: “Liễu tướng thắng giải thuộc về Gia hạnh đạo, Viễn ly tác ý và Gia hạnh cứu cánh tác ý thuộc về Vô gián đạo, Nhiếp lạc tác ý thuộc về bốn Đạo, Quán sát tác ý thuộc về Tấn tấn đạo”, đây là y theo mới lia nhiệm cõi Dục mà riêng lia nhiệm của cõi trên. Gia hạnh đạo là nói y theo Dung dự tấn tấn, không nói Vô gián của phẩm sau là Tấn tấn đạo của phẩm trước, cho nên Gia hạnh cứu cánh Tác ý chỉ có Vô gián. Quán sát tác ý, là nương vào đoạn trung phẩm mà tấn Tu đạo. Nói chỉ có Tấn tấn đạo, không nói về sau làm Gia hạnh đạo, cũng không trái nhau. Tác ý thứ bảy làm giải thoát đạo, căn cứ theo nghĩa đó mà biết, cho nên luận không nói.

e. Tiếp theo là tương nhiếp của ba sư Du-già gồm có: mới tập Nghiệp; đã tập Hành và vượt qua Tác ý.

Mới tập nghiệp có hai loại:

1. Người mới tập nghiệp đối với Tác ý, là an trụ một duyên, siêng tu Tác ý, cho đến chưa đắc, chỗ tu Tác ý chưa có thể xúc chứng Tâm nhất cảnh tánh.

2. Người mới tập nghiệp làm tịnh phiền não, là đã chứng đắc chỗ tu Tác ý, đối với các phiền não, muốn tịnh tâm đó mà chánh siêng tu tập Liễu tướng tác ý.

“Người đã tập hành Du-già Sư”, là năm Tác ý đã khéo tu tập. Du-già Sư vượt qua Tác ý, là trụ Tác ý thứ bảy vượt qua chỗ tu Trụ, tu quả của Gia hạnh phương tiện, cho nên chỉ có ba loại Du-già Sư này. Quyển 28 cũng ghi: “Thuận giải thoát phần gọi là mới tập Nghiệp, Thuận quyết trạch phần gọi là đã tập Hành, sau Đế hiện quán gọi là vượt qua Tác ý, tức là hiển Liễu tướng tại giải thoát. Kế đó là năm Tác ý tại Thuận quyết trạch phần, Tác ý thứ bảy tại sau Đế hiện quán”. Nếu nói như vậy, là lấy Hữu học v.v... ba loại trong bốn mươi Tác ý văn nhiếp nhau, nhưng trái với bảy loại Tác ý đều thông với Hữu học. Tác ý thứ nhất và thứ bảy thông với Vô học, do đây cho nên biết ba loại Du-già Sư, riêng y theo Vị mà phối hợp, cùng với nghĩa sai biệt của bảy Tác ý nhiếp nhau, hai môn tự riêng biệt, không thể lấy ba loại Du-già Sư cùng với bảy Tác ý nhiếp nhau, liền hiển bảy Tác ý có ba Vị cũng không đúng, không thể đối với điều này mà sinh phân biệt lung tung. Nhưng ba loại Du-già Sư, trong quyển 28 tổng phối hợp với bảy Tác ý, không y theo ba Vị mà phối hợp với bảy Tác ý, như tại Phi học và Phi vô học có đủ bảy Tác ý, tại Hữu học vị và Tư lương đạo có đủ tu bảy Tác ý, trước hết nương vào Thế gian đạo, nhanh chóng lìa nhiễm cho nên cũng có Tư lương đạo, không tu bảy Tác ý, không tu Định, trong Gia hạnh đạo mới đủ bảy Tác ý, tiến đến lìa chín phẩm nhiễm của cõi Dục, sau khi đắc Hiện quán cũng khởi bảy Tác ý, tiến đến lìa nhiễm của các Địa trên.

Đã phân tích bảy Tác ý, sẽ phân rõ bốn mươi Tác ý nhiếp nhau. “Liễu tướng nhiếp Duyên pháp và Duyên nghĩa”, câu này có hai giải thích:

1. Liễu tướng thông với Văn tứ tu, cho nên có hai loại:

a. Liễu tướng chỉ có Tuệ, đây là nói mới khởi tu, cũng duyên đối với pháp, cho nên nói nhiếp hai loại.

b. Trước nói Duyên pháp, chỉ là Văn tuệ, ở đây thì nói chung với Tu tuệ, trước là hẹp, sau là rộng, không trái nhau.

2. “Liễu tướng tác ý, Thắng giải tác ý và Cứu cánh quả tác ý, ba loại này nhiếp chung với Thắng giải chân thật tác ý”, là Liễu tướng thông với mới tu và tất cả sơ học của Vô học, phần nhiều chỉ có Thắng giải. Tu của Vô học v.v... phần nhiều là Chân thật, Thắng giải đã làm cận Gia hạnh đạo, lý thì thông với Giả và Thật.

Cứu cánh quả tác ý trong Căn bản địa, tất cả Thời, Vị, Giả, Thật đều là lý chung. “Quán sát tác ý chỉ nhiếp Thắng giải”, là trong đó ba phẩm Thắng tấn đạo, trước hết là mượn để giải thích Tu, không nói thông với Thật, vì Gia hạnh lý sau đó cũng thông với Chân. “Còn lại ba

Tác ý chỉ nhiếp Chân thật”, vì Vô gián đạo phần nhiều là quán Chân. “Đây là ngay các môn trước, các môn khác thì phải biết là tùy ứng”, nghĩa là đem các môn trước ra nói tướng của bảy Tác ý cùng với hai Tác ý nhiếp nhau, ngay các biệt nghĩa khác, thì Liễu tướng phần nhiều chỉ có Thắng giải, vì mới khởi tu; Cứu cánh quả chỉ có Chân thật, vì giải thoát đạo; Quán sát tác ý, thông với Thắng giải chân thật, có thể làm Thắng tấn gia hạnh đạo. Còn lại bốn Tác ý nói như trước, cho nên ngay các môn khác phải biết tùy ứng, không nói bảy Tác ý đều cùng với trước khác nhau. “Hai loại Tác ý cũng nhiếp Vô học tác ý”, đây là y theo đặc quả đã luôn luôn sinh chán lia, cho nên có Liễu tướng, y theo đoạn Phiền não đạo, nói trong năm Tác ý, Vô học đã không có, cho nên không nói có. “Quán sát nhiếp Biến trí”, là Quán sát cũng thông với Gia hạnh. “Quán sát tác ý tuy nhiếp Hữu phân biệt”, là trong Thắng tấn đạo, phần nhiều khởi Tuệ, do đây cho nên nói thiên về nó, không phải không có hai Phân biệt, Sở tác thành biện và Sở duyên tác ý. “Nếu đem môn thứ nhất nhiếp tất cả”, đây là y theo môn thứ nhất tư duy như vậy như vậy, cho đến phải phân rõ như vậy như vậy, y theo tu quả Hữu vi, vì Sở thành biện thông với bảy chỗ nhiếp. “Ngay tại môn thứ hai chỉ có Gia hạnh cứu cánh quả nhiếp”, là duyên thứ hai trước là chỗ duyên Tác ý thanh tịnh chỉ tại Phật quả Vô vi mà chuyển, vì y theo Cứu cánh biện. “Thắng giải tư trạch tác ý ban đầu là chỗ không nhiếp”, đây là đầu tiên tư duy chọn lựa các pháp, vì chỉ có tán tâm, tán tâm này chỉ có Tư tuệ, cho nên không phải bảy chỗ không nhiếp. “Nếu Tịch tĩnh tối sơ cho đến hiện đang biết cũng vậy”, Tịch tĩnh tối sơ là Tư tuệ vị đẳng trì an tâm, đồng với tối sơ Thắng giải tư trạch. “Bảy chỗ không nhiếp là sáu Tác ý trước nhiếp chung Nhất phần tu và Cụ phần tu v.v...”, là có Tuệ giải thoát, tu Định không phải Tuệ. Dị sinh đặc Căn bản định, chưa hẳn Tu tuệ. “Cứu cánh quả tác ý, căn cứ theo thù thắng mà nói, thì nhiếp Cụ phần tu, vì Câu giải thoát của nó là tu cụ phần. “Tuỳ thuận tác ý là chỗ nhiếp của hai môn đầu tiên v.v...”, là Tuy thuận tác ý, chán chỗ duyên bị hoại, hai môn đầu nhiếp, là Đối trị tác ý làm Vô gián đạo, nhiếp Viễn ly gia hạnh cứu cánh và nhiếp một phần Lạc, vì Nhiếp lạc tác ý thông với bốn Đạo. “Thuận thanh tịnh tác ý chỉ nhiếp một phần Lạc”, là Thắng tấn đạo. Quán sát tác ý tuy cũng nhiếp Thắng tấn đạo, đã hợp chung với Thắng tấn đạo đó, tướng dễ hiểu cho nên không nói. “Đây là đem Đoạn đối trị ra nói, hoặc đem chỗ tùy ứng khác nên biết”, điều này có hai giải thích:

1. Chỉ giải thích Thuận quán sát đoạn, là chưa đoạn Tác ý, chỉ có

nguyên nhân của Quán sát tác ý, y theo trung phẩm Đoạn đối trị thắng tấn mà nói. Hoặc ngay những chỗ khác, Gia hạnh của Hậu vô gián đạo cũng là ba nhiếp Liễu tướng, Thắng giải và Nhiếp lạc. Nếu đem Đoạn đối trị của phân cõi dưới mà nói, thì cũng là chỗ nhiếp của Gia hạnh cứu cánh quả tác ý, cho nên nói là tùy ứng.

2. Nói chung bốn Tác ý trước, từ trước đến nay chỗ nhiếp đem nghĩa Đối trị tăng thượng riêng ba phẩm Đoạn mà nói, y theo các nghĩa đầy đủ khác thì nói là Tùy thuận tác ý. Hai Tác ý đầu cùng với Nhiếp lạc, Quán sát và Nhiếp quán sát cũng thông với Hậu gia hạnh, Thuận thanh tịnh cũng là chỗ nhiếp của Quán sát, thuận theo Quán sát đoạn và Tác ý chưa đoạn, cũng nhiếp chung Lạc gia hạnh cứu cánh quả, nghĩa Nhiếp nói như trước, cho nên nói là tùy ứng.

“Lực lệ tác ý đều không nhiếp”, là Tán tư tuệ. “Hữu gián, Hữu công dụng vận chuyển tác ý cho đến chỗ nhiếp của Nhiếp lạc tác ý”, Hữu gián tác ý, trong quyển 28 nói là chỗ nhiếp của Liễu tướng, vì Văn và Tư gián đoạn; Hữu công dụng tác ý, trong quyển 28 nói năm chỗ nhiếp kể đó, vì đều là khởi công dụng. Trong đây lấy Nhiếp lạc tác ý thông với Thắng tấn đạo, cho nên lược bỏ không nói, vì Quán sát và Thắng tấn đồng nhau. Gia hạnh cứu cánh tác ý có thể đắc tự nhiên vận chuyển, gọi là Tự nhiên vận chuyển, không phải ngay lúc đó có thể tự nhiên vận chuyển, quyển 28 nói chỉ có Gia hạnh quả gọi là Vô công dụng vận chuyển. Trong quyển 28 nói Hữu công dụng gọi là Vô gián, vì tương đối với Hữu gián trước. Tự nhiên chuyển gọi là Vô công dụng, vì tương đối với thế lực trước là Hữu công dụng. “Tư trạch tác ý do Liễu tướng nhiếp”, là y theo Tu môn thứ nhất, phần nhiều khởi Tuệ. “Không phải chỗ khác không nhiếp, bên trong nhiếp Tác ý là chỗ nhiếp của Thắng giải”, là y theo môn Vô gián nội duyên mới tạo ra. “Không phải chỗ khác không nhiếp Thanh tịnh tác ý và Quán sát tác ý”, là quán sát phiền não đoạn và chưa đoạn, vì thuận với Tịnh chướng, không phải Quán sát và Thanh tịnh kia nhiếp, vì không phải chánh Vô gián đạo. “Quảng đại tác ý đều là chỗ không nhiếp”, là Vô trụ Niết-bàn do Bi và Trí kiến lập, vì rộng thực hành hai lợi, không phải bảy Tác ý nhiếp, bảy Tác ý chỉ có tự lợi không phải rộng thực hành.

“Biến hành Tác ý thứ nhất do Cứu cánh lạc nhiếp”, trong Biến hành ở trước có hai loại:

a. Phật Thế Tôn nhiếp.

b. Nhất thiết nhiếp, là hàng Bồ-tát nhiếp, vì tất cả Nhị thừa tu có tự lợi.

“Liễu tướng tác ý là chỗ kiến lập Tác ý của tha lợi nhiếp, cho đến Định làm duyên của nó”, một là Liễu tướng thông với Văn và Tu, chỗ kiến lập của tha lợi nhiếp. Hai là chỉ có Tu tuệ làm tánh, nhưng cũng là duyên giáo bên ngoài mà sinh, cho nên là chỗ kiến lập của tha lợi nhiếp.

Trong phần thứ hai thuyết minh riêng Sở duyên sai biệt có hai phần:

1. Vì Duyên tức là tướng.

2. Riêng thuyết minh tướng, vì Sở duyên này là Cảnh của các Tác ý, cho nên tức là tướng, đồng thời Cảnh của Định.

Trong riêng thuyết minh tướng, thứ nhất là nói về bốn tướng, thứ hai là nói về ba mươi hai tướng. Tướng sở duyên là phân biệt thể và tướng của Sở tri sự, Phân biệt thể là Tâm năng duyên, Tâm sở. Phân biệt tướng là Sở duyên tướng phần, Định tâm lấy Kiến phần và Tướng phần này làm Sở duyên. Tướng của Nhân duyên là Tư lương của Định, là nhân của Vô hối hoan hỷ an lạc. Không giữ căn môn v.v... bốn thứ, như trước đã nói, bốn thứ là: Không nắm giữ căn môn; Ăn không biết lượng; Đầu hôm cuối hôm, không thường tỉnh ngộ siêng năng tu quán hạnh; Trụ tại Bất chánh tri. Đến Thanh văn địa ở sau sẽ rộng nói.

Loạn tướng của Hôn trầm và Trạo cử, cũng như tên của nó, tức là sự dính mắc tướng của Trầm trạo kia, Thể là Vô minh làm tánh, hoặc là Ái tánh, hoặc là tất cả Phiền não tánh của Kiến và Nghi.

Trong ba mươi hai tướng có hai đoạn:

1. Riêng thuyết minh ba mươi hai tướng.

2. Cùng với tướng tướng tức.

“Thế nào là tướng Sở y?” Là Phân biệt thể tướng, là Kiến phần và Tướng phần như thứ tự mà phối hợp. “Thế nào là Khởi tướng?” Tướng này có hai loại:

1. Tất cả tâm khởi tướng, tức là kế trước nói Tác ý là một tướng, vì tất cả tâm sinh đều do Tác ý.

2. Tâm thứ tám khởi tướng, là Tâm trong mười hai chi, duyên nơi Hành, cũng duyên Danh sắc mà sinh.

“Thế nào là tướng của Tự tướng? Là tự tướng của tự loại”, là năm Uẩn, vì loại mỗi mỗi đều riêng khác. Tự tướng, là mỗi mỗi Uẩn, Tự tướng của Nhân v.v... riêng khác. “Trong đây người đã xuất ly đối với Đoạn, không tu phương tiện, quán Hữu tham v.v...”, là những người xuất gia, gọi là người đã xuất ly. Xuất ly này có hai loại:

1. Loại người không tu Niết-bàn phương tiện, quán Hữu tham Vô

tham, Hữu sân Vô sân, Hữu si Vô si.

2. Loại tu Niết-bàn phương tiện, là quán tâm hẹp, tâm rộng, tâm thấp hèn, tâm đề cao, cho đến tâm khéo giải thoát, tâm không khéo giải thoát, là tướng không nhiễm ô, ba cặp đối quán ở trước không phải thuận xuất thế, bảy cặp sau thì thuận với xuất thế, hoặc thuận với Định gọi là tu phương tiện, không thuận với Định thì gọi là không tu phương tiện, vì không phải xuất thế.

“Lại nữa, giải thích không tu phương tiện”, là người Vô học đã đắc xuất ly, thì càng không tu phương tiện lại nữa, chỉ quán Hữu tham v.v... ba cặp đối tâm. “Hoặc tu phương tiện”, là người Hữu học, quán Sơ suất, Thấp hèn v.v... bảy cặp đối tâm, vì thuận với xuất ly của Vô học. “Thế nào là tướng của Quang minh? Là như có một loại đối

trừ diệt ám tối. “Pháp Quang minh”, là trong Cái và Thực ở trước, có nói ba thứ Quang minh, Quang minh này là hai loại đầu. “Trụ quán đối với Toạ (ngồi) v.v...”, vị lai gọi là Toạ, hiện tại gọi là Trụ. Vì từ vị lai Toạ khởi lập Trụ, tức là hiện tại này cũng gọi là Toạ, quá khứ gọi là Ngoạ, vì Toạ rồi mới Ngoạ, nhưng quá khứ thì diệt mất cho nên lập tên là Ngoạ.

“Thế nào là tướng của nhập định? Là do nhân duyên v.v...”, trong bốn tướng ở trước, trừ tướng nên viên ly ra. Loại này có ba tướng, vì thuận nhập định. “Thế nào là tướng xuất định”? Là chỗ không nhiếp tướng Bất định địa của Phân biệt Thể. Tuy Thể của định tâm và tán tâm thông với Thể phân biệt, nhưng Thể của tán tâm này là chỗ không nhiếp của Định. Tướng của Bất định địa, gọi là tướng xuất định, hoặc Thể của Phân biệt là chỗ không nhiếp của Vô lậu Định. Tướng Bất định địa gọi là tướng xuất định, thế nào là tướng Dẫn phát? Là có thể dẫn phát tóm lược nghĩa thông của các văn nghĩa quảng bác, đây là Thánh tự tại thông, lấy trí ngôn ngữ tự tại nhiếp các văn nghĩa quảng bác để nhập một chữ, lấy một chữ này nhiếp vô lượng nghĩa của văn cú. Thông này y theo Định mà dẫn phát, gọi là tướng Dẫn phát, cho đến dẫn phát tất cả công đức.
